

Số: /KH-BCĐ

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Phân phối và sử dụng vắc xin phòng COVID-19 do Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương phân bổ đợt 138 đến 141 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

#### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Thực hiện tiếp theo Kế hoạch số 905/KH-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 giai đoạn 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Kế hoạch số 765/KH-BCĐ ngày 12/12/2021 của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh Gia Lai về việc tiêm vắc xin phòng COVID-19 liều bổ sung và liều nhắc lại trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021-2022.

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-VSDTTU ngày 08/4/2022 của Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương về việc phân bổ vắc xin phòng COVID-19 đợt 136-141.

Thực hiện Công văn số 219/VTN-KSBTN ngày 13/4/2022 của Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên về việc phân bổ vắc xin phòng COVID-19 đợt 138; 139 (AstraZeneca) và đợt 141 (Pfizer).

Thực hiện công văn số 1119/VP-KGVX ngày 15/4/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thống nhất Kế hoạch tiêm vắc xin AstraZeneca đợt 138, 139 và PfiZer đợt 141.

Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch tỉnh Gia Lai phân bổ vắc xin đến các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố thực hiện tiêm vắc xin cho các công dân trên 12 tuổi đang cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

#### **II. MỤC TIÊU**

- Hoạt động tiêm chủng thực hiện theo Kế hoạch đã được Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh Gia Lai phê duyệt.

#### **III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Vắc xin, Đối tượng, phạm vi, thời gian, địa điểm triển khai**

###### **1.1. Vắc xin**

Theo Quyết định số 312 của Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương.

###### **Vắc xin (AstraZeneca):**

Số liều nhận đợt 138: 20.000 liều (10 liều/ lọ; lô: A1182, HSD 31/5/2022).

Số liều nhận đợt 139: 30.000 liều (08 liều/ lọ; lô: PW40210, HSD 30/4/2022).

###### **Vắc xin Prifer:**

Số liều nhận đợt 141: 200.070 liều (lô: FR2459, HSD 30/9/2022), nhận

trước 51.480 liều; Ngày rã đông: 13/4/2022

Vắc xin phân bổ đến các điểm tiêm: Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố (phụ lục I; II kèm theo).

### **1.2. Đối tượng triển khai:**

- **Tiêm Mũi 1:** Tiếp tục rà soát tiêm người trên 12 tuổi chưa tiêm mũi nào theo hướng dẫn Bộ Y tế.

- **Trả Mũi 2:** Cho người đã tiêm mũi 1 vắc xin AstraZeneca, PfiZer và Moderna.

#### **- Tiêm Mũi 3:**

+ **Liều tiêm bổ sung** Khoảng cách từ 28 ngày đến 3 tháng.

+ **Liều nhắc lại:** Khoảng cách từ 3 tháng đến 6 tháng sau mũi cuối cùng của liều cơ bản.

Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố lập danh sách đối tượng theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 của các huyện, thị xã, thành phố.

### **1.3. Phạm vi triển khai**

- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ban chỉ đạo phòng, chống dịch mở rộng điểm tiêm tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

### **1.4. Thời gian, địa điểm**

- Thời gian:

+ Triển khai kết thúc trước ngày **25/4/2022** đối với lô vắc xin được phân đợt 139; vắc xin Astra Zeneca; Lô PW40210; HSD 30/4/2022.

+ Triển khai kết thúc trước ngày **11/5/2022** đối với lô vắc xin được phân đợt 138 ; vắc xin Astra Zeneca; Lô A1182; HSD 31/5/2022.

+ Triển khai kết thúc sau ngày rã đông vắc xin 28 ngày với lô vắc xin PfiZer được phân đợt 141; Lô FR2459; HSD 30/9/2022.

+ Đề nghị các đơn vị tổ chức tiêm chủng đảm bảo an toàn và hoàn thành việc tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 kết thúc trước ngày **11/5/2022** theo quy định.

- Địa điểm tiêm: Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố và các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

## **2. Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, phân phối vắc xin, vật tư**

- Theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

## **3. Tập huấn cho cán bộ y tế về triển khai vắc xin phòng COVID-19**

- Cán bộ tham gia tiêm chủng đã được tập huấn.

## **4. Truyền thông về triển khai vắc xin phòng COVID-19**

- Thời gian thực hiện: Trước, trong và sau khi triển khai tiêm chủng.

## **5. Tổ chức tiêm chủng**

### **5.1. Xây dựng kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 tại địa phương**

Thực hiện các quy trình lập kế hoạch, tổ chức tiêm chủng, theo dõi sau tiêm, ứng dụng CNTT theo các hướng dẫn của Sở Y tế và Tiểu ban Ứng dụng CNTT và Truyền thông của Ban chỉ đạo tiêm chủng tỉnh Gia Lai.

### **5.2. Đơn vị tổ chức điểm tiêm chủng**

Đảm bảo an toàn trong tiêm chủng và hạn chế các sự cố trong tiêm chủng.

## **6. Kế hoạch buổi tiêm chủng**

Đảm bảo trong phòng, chống dịch COVID-19 các đơn vị bố trí theo khung giờ hạn chế đông người tại buổi tiêm.

*\* Lưu ý: Lập danh sách theo biểu mẫu do Bộ Y tế ban hành, điền các nội dung, thông tin cá nhân vào phiếu trước khi tiêm. Có sự đồng ý của người được tiêm và người giám hộ trẻ.*

## **7. Công tác đảm bảo tiêm chủng**

- Đảm bảo vệ sinh phòng chống dịch.
- Giám sát điểm tiêm chủng.
- Quản lý bơm kim tiêm và rác thải y tế sau buổi tiêm.
- Hàng ngày báo cáo kết quả triển khai tiêm chủng và phản ứng sau tiêm.

## **8. Trách nhiệm từng đơn vị**

### **8.1. Đối với cơ sở tiêm chủng**

- Xếp lịch tiêm, thông báo đến từng địa phương và đơn vị được tiêm vắc xin. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố triển khai tiêm chủng phải quản lý **đối tượng tiêm trên phần tiêm vắc xin COVID-19.**

### **8.2. Địa phương triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19**

- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thông báo các đơn vị tham gia và phối hợp cùng cán bộ y tế, tổ chức tiêm phòng vắc xin COVID-19.

Trên đây là Kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 đợt 138 đến 141 trên địa bàn tỉnh Gia Lai Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Y tế (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục Y tế dự phòng;
- Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương;
- Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên;
- Các thành viên BCD phòng, chống dịch của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- TTYT các huyện, thành phố;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Lưu: VT, BCD.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO  
KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Đình Tuấn  
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ**

## Phụ lục I

## KẾT QUẢ TIÊM PHÒNG VẮC XIN COVID-19

STT	Tên đơn vị hành chính	KẾT QUẢ MŨI TIÊM			Đối tượng cần tiêm M2 & M3		
		Tổng số mũi tiêm1 lũy kế	Tổng số mũi tiêm2 lũy kế	Tổng số mũi 3 - VC còn lại lũy kế	ĐỐI TƯỢNG >18 TUỔI	ĐỐI TƯỢNG 12-18 TUỔI	Tổng mũi chưa tiêm
1	Đăk Đoa	77,881	76,313	46,062	28,733	27	28,760
2	Đăk pơ	27,295	25,932	15,659	10,693	381	11,074
3	Mang Yang	43,352	41,576	26,968	15,906	860	16,766
4	Kông Chro	32,986	31,323	17,866	12,768	0	12,768
5	Đức Cơ	45,339	40,450	21,393	23,825	2,168	25,993
6	Chư Sê	72,749	67,050	35,717	34,409	1,945	36,354
7	Pleiku	190,938	176,493	123,056	57,045	0	57,045
8	Krông Pa	54,793	52,455	26,662	25,810	0	25,810
9	AYun Pa	26,468	24,267	18,090	7,267	871	8,138
10	KBang	44,427	41,585	25,037	17,544	1,183	18,727
11	Chư Păh	51,485	46,576	18,289	30,472	1,037	31,509
12	Chư Prông	79,700	73,055	46,544	31,616	1,872	33,488
13	An Khê	47,734	45,568	34,051	12,653	87	12,740
14	Chư Puh	43,513	39,338	20,376	19,987	2,321	22,308
15	Phú Thiện	49,251	45,455	21,407	24,495	717	25,212
16	Ia Grai	77,419	69,499	39,335	36,865	137	37,002
17	Ia Pa	35,459	30,174	12,762	24,244	2,038	26,282
<b>Tổng cộng</b>		<b>1,000,789</b>	<b>927,109</b>	<b>549,274</b>	<b>414,332</b>	<b>15,644</b>	<b>429,976</b>

## Phụ lục II

**PHÂN PHỐI VẮC XIN TIÊM PHÒNG COVID-19**  
**VẮC XIN AstraZeneca đợt 138, đợt 139; Pfizer đợt 141**

TT	Đơn vị	PHÂN PHỐI VẮC XIN, DUNG MÔI				VẬT TƯ			
		Đợt 138 ; Lô A1182; HSD 31/5/2022	Đợt 139; Lô PW40210; HSD 30/4/2022	Đợt 141 Lô FR2459; HSD 30/9/2022	Dung môi	Bom kim tiêm 0.5 ml	Bom kim tiêm 0.3 ml	Bom kim tiêm 3 ml	Hộp an toàn
1	Pleiku	2,400	4,200	25,000	4,167	6,600	25,000	4,167	358
2	An Khê	700	1,000	6,000	1,000	1,700	6,000	1,000	87
3	Ia Grai	2,000	2,500	18,000	3,000	4,500	18,000	3,000	255
4	Đăk Pơ	500	600	5,300	883	1,100	5,300	883	73
5	Chư Păh	1,500	2,400	15,000	2,500	3,900	15,000	2,500	214
6	Đức Cơ	1,000	1,800	12,000	2,000	2,800	12,000	2,000	168
7	Chư Sê	1,500	2,500	17,000	2,833	4,000	17,000	2,833	238
8	Mang Yang	700	1,000	8,000	1,333	1,700	8,000	1,333	110
9	Ia pa	1,000	1,400	10,470	1,745	2,400	10,470	1,745	146
10	Chư Prông	1,800	2,500	16,000	2,667	4,300	16,000	2,667	230
11	Ayun Pa	500	600	3,800	633	1,100	3,800	633	55
12	Đăk Đoa	1,200	2,000	14,000	2,333	3,200	14,000	2,333	195
13	K Bang	1,000	1,400	9,000	1,500	2,400	9,000	1,500	129
14	Krông Pa	1,500	2,000	12,500	2,083	3,500	12,500	2,083	181
15	Kông Chro	500	800	5,000	833	1,300	5,000	833	71
16	Phú Thiện	1,000	1,800	12,000	2,000	2,800	12,000	2,000	168
17	Chư Puh	1,200	1,500	11,000	1,833	2,700	11,000	1,833	155
<b>Tổng cộng</b>		<b>20,000</b>	<b>30,000</b>	<b>200,070</b>	<b>33,345</b>	<b>50,000</b>	<b>200.070</b>	<b>33,345</b>	<b>2,834</b>